| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 49 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Văn Nhất

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Làng Cầu, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh D Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Mỹ 1, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

( Chị Vũ Thị T và anh D Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nhận ngày 19/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D Thanh T được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 22/1/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt và không ai quan tâm đến

nhau. Năm 2015, sau khi chị sinh con không được anh Tuấn quan tâm chăm sóc nên chị xin về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chị cũng ly thân từ đó đến nay. Thời gian chị ở nhà ngoại, anh Tuấn có hỏi thăm đến mẹ con chị một số lần rồi thôi, đến đầu năm 2016 thì chị với anh Tuấn mỗi người sống một nơi, không liên lạc cũng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh D Thanh T.

Về con chung: Chị và anh D Thanh T có một con chung là cháu Dương Huy Hoàng, sinh ngày 22/12/2015. Hiện nay, cháu H đang ở cùng chị tại địa chỉ: Làng Cầu, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh D Thanh T không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh D Thanh T trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 22 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc gia đình. Anh xác định giữa anh và chị T chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, sau khi chị T sinh con xong xin về bên ngoại ở và ở nhà ngoại từ đó đến nay. Anh nhiều lần gọi điện thoại muốn đón mẹ con chị T về chăm sóc nhưng chị T không về, không quan tâm gì đến anh và gia đình nhà chồng, chị T nói không còn tình cảm với anh và muốn ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý nhưng nếu chị T xác định không còn tình cảm gì với anh và kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị Vũ Thi T có một con chung là cháu Dương Huy Hoàng, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015. Hiện nay con chung vẫn đang ở cùng chị T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Dương Huy Hoàng, về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, về công nợ chung: Anh và chị Vũ Thị T không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tài liệu chứng cứ thu thập được:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của đương sự và qua gia đình 2 bên đương sự được biết: Anh D Thanh T và chị Vũ Thị T đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2015. Anh Tuấn và chị T mỗi người ở một nơi, không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Anh D Thanh T có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh D Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Dương Huy Hoàng, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Vũ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Giữa chị Vũ Thị T và anh D Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh D Thanh T là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Cả chị T và anh Tuấn đều xác định sau khi kết hôn hai người chung sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt và không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Tuấn cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhiều lần

nhưng bị đơn là anh Tuấn không có thiện chí đến hòa giải, cũng không tìm cách động viện chị T về đoàn tụ và hai ng□ời vẫn sống ly thân, không ai còn con tâm gì đến nhau nữa. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của bị đơn và gia đình hai bên đương sự được biết: Giữa chị T và anh Tuấn đã mâu thuẫn từ lâu, hai người không còn chung sống cùng nhau từ năm 2016. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Vũ Thị T và anh D Thanh T đều công nhận có một con chung là Dương Huy Hoàng, sinh ngày 22/12/2015, ngoài ra không còn con chung nào khác. Theo quan điểm của anh Tuấn nếu vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị T có nguyện vọng tha thiết xin được nuôi dưỡng con chung và từ khi anh Tuấn và chị T ly thân đến nay cháu H vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, để đảm bảo quyền lợi cho con chung của chị T và anh Tuấn được nuôi dưỡng và chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, cần giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền chăm nom con theo quy định pháp luật.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh D Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Huy Hoàng, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000443 ngày 14/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị Vũ Thị T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- UBND phường Dĩnh Kế, tp. Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Văn Hải**